

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HS-PT
Ngày: 21-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2021/TLPT-HS, ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối bị cáo Nguyễn Thị Kim O và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1989; tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp TB, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến L và bà Đỗ Thị D; chung sống như vợ chồng với ông Fricis (quốc tịch Pháp), có 01 người con, sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 50/2006/HSST ngày 07/7/2006 Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; Bản án số 35/2010/HSST ngày 29/6/2010 Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2020, đến ngày 01/01/2021 chuyển sang biện pháp tạm giam, ngày 09/02/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 17/3/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Trịnh Thị Th, sinh năm 1990; tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khu phố 7, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang V và bà Đặng Thị Minh S; chồng tên Nguyễn Khắc P, có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2020, đến ngày 26/12/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992; tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Thanh Tân, xã Mỹ Công, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H và bà Đặng Thị Ngọc Á; chồng tên Trần Văn H (đã ly hôn), có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2020, đến ngày 01/01/2021 chuyển sang tạm giam, ngày 09/02/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 17/3/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Phúc L, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp SB, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Ph (đã chết) và bà Trần Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 30/2019/HS-ST ngày 15/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 24/12/2020, chưa được xóa án tích; nhân thân: Năm 2018, bị Công an xã TB xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc”, đã nộp phạt; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2020, đến ngày 01/01/2021 chuyển sang tạm giam, ngày 09/02/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 17/3/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo Lê Văn M không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 23/12/2020, tại nhà của Nguyễn Thị Kim O thuộc ấp SB, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thị Ngọc T và Trịnh Thị Th đến nhà của Nguyễn Thị Kim O tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài tây câu cá ăn tiền bằng cách tính điểm. O quy định mỗi điểm ăn thua với nhau là 5.000 đồng, người chơi nào tới núi (90 điểm) thì bỏ 5.000 đồng đến 10.000 đồng vào bịch nylon để mua nước và trả tiền mua bài. Chơi được khoảng gần 01 tiếng đồng hồ, O điện thoại kêu Nguyễn Phúc L điện rủ Lê Văn M đến tham gia đánh bạc. Sau khi cả 03 người gồm O, Th, T bắt đầu đánh bạc khoảng 30 phút thì Lê Văn M đến để tham gia chơi cùng, 04 người

O, T, Th, Mau tham gia chơi được khoảng 30 phút thì T đi vệ sinh, L ngồi vào chơi 01 ván giúp T. Sòng bạc hoạt động đến 17 giờ thì bị Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang.

Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của 05 người là 36.200.000 đồng, sòng bạc không có người làm cái, những người tham gia đánh bạc thắng thua trực tiếp với nhau. Cụ thể số tiền và vai trò của từng người trong sòng bạc như sau:

- Nguyễn Thị Kim O sử dụng nhà và rủ rê những người khác tham gia đánh bạc, O sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt thua 200.000 đồng, số tiền còn lại 1.800.000 đồng để dưới chiếu bạc bị tạm giữ.

- Trịnh Thị Th mang theo và sử dụng 14.700.000 đồng vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt không thắng, không thua và bị thu giữ 14.533.000 đồng, số tiền còn lại Th đã bỏ tại chiếu bạc. Th là người mua bài đến nhà O để phục vụ cho việc đánh bạc.

- Lê Văn M mang theo và sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt đã bỏ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị Ngọc T mang theo và sử dụng 9.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt bắt thua 110.000 đồng và bị thu giữ 9.390.000 đồng.

- Nguyễn Phúc L giúp sức trong việc rủ rê người khác đánh bạc và trực tiếp đánh thế tú trong lúc T đi ra ngoài.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HS-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trịnh Thị Th** 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 26/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; **điểm h khoản 1 Điều 52;** Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc L** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn

chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên hình phạt tù đối với bị cáo Lê Văn M, biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Các ngày 19/5, 31/5 và 02/6/2021, 04 bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Trịnh Thị Th, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Phúc L có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; tham gia đánh bạc chỉ là nhất thời, các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, 04 bị cáo có đơn kháng cáo; qua xem xét đơn kháng cáo hợp lệ, trong hạn luật định, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào khoảng 13 giờ, ngày 23/12/2020, tại nhà của Nguyễn Thị Kim O thuộc khu vực ấp SB, xã TP, huyện TB, 05 người gồm: Nguyễn Thị Kim O, Trịnh Thị Th, Nguyễn Thị Ngọc T, Lê Văn M, Nguyễn Phúc L cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tây câu cá tính điểm. Sòng bạc hoạt động đến 17 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang. Xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các bị cáo là 36.200.000 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Về căn cứ quyết định mức hình phạt: Khi lượng hình cần xem xét các yếu tố về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét về nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo cùng đánh bạc với nhau, không có người làm cái, tham gia cùng nhau từ khi bắt đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Tuy Trịnh Thị Th và Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo còn lại nhưng 02 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt ngang bằng với các bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án là chưa phù hợp.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim O: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần vào các năm 2006, bị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, năm 2010 bị xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ đều về tội “Đánh bạc”; bị cáo không lấy đó làm bài học, lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc”. Trong vụ án này, bị cáo đã chủ động rủ rê bị cáo Lợi điện thoại rủ thêm người đến tham gia đánh bạc. Mặt khác, bị cáo có hành vi sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình làm nơi đánh bạc, nhưng chưa thu lợi bất chính về hành vi này nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm khác. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian nhất định như cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, mức án đã xử là phù hợp, không nặng.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Phúc L: Mặc dù có tiền án, nhưng trong vụ án này, bị cáo chỉ tham gia đánh 01 ván thay bị cáo T, tính chất, mức độ bị cáo tham gia là không lớn, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù là có phần nghiêm khắc nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có tác dụng răn đe. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4.3] Đối với bị cáo Trịnh Thị Th và Nguyễn Thị Ngọc T: 02 bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Th cung cấp tài liệu thể hiện có cha và anh ruột là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, huy chương, do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương, cấp sơ thẩm tuyên xử hình phạt tù với 02 bị cáo là có phần nghiêm khắc. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 02 bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo, nên không cần thiết phải cách ly 02 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo về địa phương để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của 02 bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Lợi, Th, T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu; bị cáo O phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim O; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phúc L, Trịnh Thị Th, Nguyễn Thị Ngọc T; sửa án sơ thẩm.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Phúc L, Trịnh Thị Th, Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Đánh bạc”

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; **điểm h khoản 1 Điều 52**; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 09/02/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Phúc L cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện TB, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Phúc L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Phong trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Phúc Lợi thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Phúc L.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trịnh Thị Th** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/9/2021)

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/9/2021)

2.5. Giao bị cáo Trịnh Thị Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Công, huyện TB, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.7. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2.8. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Th, T, Lợi không phải chịu. bị cáo O phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Vụ 1 – TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN;
- Phòng PV06 CA tỉnh TN;
- TAND huyện TB;
- CCTHADS huyện TB;
- VKSND huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh